

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16/10/2019
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh T.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quốc Vũ;

2. Ông Nguyễn Trung Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 16/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 259/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2019/QĐXXST-HN ngày 01 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Kim L, sinh năm 1985; nơi cư trú: số 709, tổ 20, ấp V, xã P, thị xã C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1987; nơi cư trú: số 254, khóm L, phường P, thành phố D, tỉnh An Giang.

Các đương sự vắng mặt (bà L, ông T có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/7/2019 và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim L trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn ông Lê Văn T tự tìm hiểu yêu thương nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú B (giấy chứng nhận kết hôn số 87, ngày 23/6/2017). Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do bị đơn ăn nhậu, không lo làm ăn, nhiều lần nguyên đơn khuyên răn thì bị đơn chửi thô tục. Vì vậy nguyên đơn mang con về

mẹ ruột (xã Châu Phong, thị xã Tân Châu) sinh sống từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn.

Về con chung, nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên Lê Chí Ng, sinh ngày 30/8/2016. Con chung hiện nay do nguyên đơn nuôi dạy nên nguyên đơn yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung, nguyên đơn khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn T trình bày thống nhất với trình bày của nguyên đơn về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân. Bị đơn cho rằng nguyên đơn so bì với những người trong xóm và cho rằng họ sung sướng hơn nguyên đơn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Bị đơn cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng được vài tháng thì nguyên đơn xin ly hôn. Nay nguyên đơn cương quyết ly hôn thì bị đơn đồng ý ly hôn.

Về con chung, bị đơn thống nhất với trình bày của nguyên đơn, vợ chồng có 01 con chung tên Lê Chí Ng, sinh ngày 30/8/2016. Bị đơn đồng ý giao con cho nguyên đơn nuôi dạy và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bị đơn khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về giải quyết vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà L và ông T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà L khởi kiện xin ly hôn, ông T đồng ý ly hôn nên chấp nhận cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- *Về con chung*: Bà L, ông T xác định trong thời kỳ hôn nhân có 01 con chung tên Lê Chí Ng, sinh ngày 30/8/2016 hiện do bà L chăm sóc, nuôi dạy.

Ông T đồng ý giao con cho bà L nuôi dạy vì vậy đề nghị tiếp tục giao con cho bà L nuôi dưỡng, chăm sóc.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn, giao con chung cho bà L tiếp tục nuôi dạy, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đồng thời, bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Các đương sự có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện sau thời gian tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc vào ngày 23/6/2017; giấy chứng nhận kết hôn số 87 nên được xem là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan T, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét, vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, nhưng hiện tại bà L và ông T không còn sống chung, trong thời gian chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, tình cảm không còn, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, bị đơn đồng ý ly hôn. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc ly hôn với ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung, nguyên đơn, bị đơn xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Lê Chí Ng, sinh ngày 30/8/2016, hiện cháu đang sống với bà L. Ông T đồng ý giao con chung cho bà L nuôi dạy, không cấp

dưỡng nuôi con chung. Xét, giao con chung cho bà L tiếp tục nuôi dạy và chăm sóc. Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét trong vụ án.

Bà L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[5] Về tài sản chung, nợ chung, nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp. Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim L.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Kim L được ly hôn ông Lê Văn T.

[2] Về con chung: Bà Đỗ Thị Kim L được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Lê Chí Ng, sinh ngày 30/8/2016 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Ông Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Đỗ Thị Kim L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lê Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Đỗ Thị Kim L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0003219 ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; bà L đã nộp đủ án phí.

Ông Lê Văn T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Giấy chứng nhận kết hôn số 87, ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc không còn giá trị pháp lý.

[5] Trong hạn 15 ngày kể từ nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh T